

CHÍNH PHỦ
Số: 12/1999/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 6 tháng 3 năm 1999

NGHỊ ĐỊNH

Về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 28 tháng 10 năm 1995;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 06 tháng 7 năm 1995;

Để nâng cao hiệu lực bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp của các tổ chức, cá nhân, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người tiêu dùng, góp phần chống sản xuất, buôn bán hàng giả và gian lận thương mại;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương 1:

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

Các thuật ngữ trong Nghị định này được hiểu như sau:

- "Đối tượng sở hữu công nghiệp" được hiểu là: sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hoá (bao gồm cả nhãn hiệu dịch vụ), tên gọi xuất xứ hàng hoá.
- "Chủ sở hữu công nghiệp" được hiểu là: chủ văn bằng bảo hộ, chủ sở hữu đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hoá, hoặc người được chuyển giao hợp pháp quyền sở hữu công nghiệp đối với đối tượng sở hữu công nghiệp đang được bảo hộ.

3. "Văn bằng bảo hộ" được hiểu là: Bằng độc quyền sáng chế, Bằng độc quyền giải pháp hữu ích, Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá, Giấy chứng nhận quyền sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hoá.

4. "Yếu tố vi phạm" được hiểu là:

Dấu hiệu trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu hàng hoá, tên gọi xuất xứ hàng hoá đang được bảo hộ;

Dấu hiệu, chỉ dẫn vi phạm quy định về chỉ dẫn bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, nghĩa vụ sở hữu công nghiệp;

Bộ phận sản phẩm, sản phẩm hoặc quy trình sản xuất sản phẩm đồng nhất với bộ phận sản phẩm, sản phẩm hoặc quy trình sản xuất đang được bảo hộ là sáng chế, giải pháp hữu ích;

Bộ phận sản phẩm, sản phẩm có hình dáng bên ngoài là kiểu dáng công nghiệp hoặc có chứa một hoặc các bộ phận là thành phần tạo dáng cơ bản của kiểu dáng công nghiệp đang được bảo hộ.

Điều 2. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định cụ thể các hành vi vi phạm, hình thức, mức, thủ tục và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hộ và quản lý Nhà nước về sở hữu công nghiệp.

2. Mọi tổ chức, cá nhân có hành vi cố ý hoặc vô ý vi phạm các quy định về bảo hộ và quản lý Nhà nước về sở hữu công nghiệp chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự đều bị xử phạt theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định này.

3. Tổ chức, cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hộ và quản lý Nhà nước về sở hữu công nghiệp trong lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam cũng bị xử phạt theo Nghị định này trừ trường hợp các Điều ước quốc tế liên quan mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng các hình thức xử phạt, mức phạt

1. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp, tổ chức, cá nhân vi phạm phải bị áp dụng một trong hai hình thức xử phạt chính: cảnh cáo hoặc phạt tiền.

Phạt cảnh cáo được áp dụng đối với trường hợp vô ý vi phạm; vi phạm nhỏ, lần đầu và có tình tiết giảm nhẹ.

Trong trường hợp phạt tiền, mức phạt tiền phải tương ứng với tính chất, mức độ của hành vi vi phạm. Trường hợp vi phạm có tình tiết giảm nhẹ thì áp dụng mức phạt thấp hơn nhưng không dưới mức tối thiểu của khung phạt tiền. Trường hợp vi phạm có tình tiết tăng nặng thì áp dụng mức phạt cao hơn nhưng không vượt quá mức tối đa của khung phạt tiền.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức vi phạm còn bị áp dụng một hoặc các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Tước có thời hạn hoặc không thời hạn quyền sử dụng giấy phép kinh doanh hoặc giấy phép hoạt động dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

3. Kèm theo các hình thức xử phạt quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, trong từng trường hợp cụ thể tổ chức, cá nhân vi phạm còn có thể bị áp dụng một hoặc các biện pháp sau:

a) Buộc loại bỏ các yếu tố vi phạm trên sản phẩm hàng hoá, phương tiện kinh doanh; buộc cải chính thông tin sai lệch gây ra vi phạm; buộc thực hiện các nghĩa vụ sở hữu công nghiệp; buộc bổ sung các chỉ dẫn về sở hữu công nghiệp;

b) Buộc tiêu huỷ vật phẩm mang yếu tố vi phạm, hàng hoá vi phạm có chất lượng kém có hại cho sức khoẻ con người;

c) Buộc bồi thường thiệt hại do vi phạm hành chính gây ra.

Việc bồi thường thiệt hại do vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp được tiến hành theo nguyên tắc thoả thuận giữa bên gây ra thiệt hại và bên bị thiệt hại. Đối với những thiệt hại về vật chất do vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp gây ra có giá trị đến 1.000.000 đồng mà các bên không tự thoả thuận được thì mức bồi thường do người có thẩm quyền xử phạt quyết định, những thiệt hại có giá trị trên 1.000.000 đồng nếu các bên không tự thoả thuận được thì giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Các hình thức xử phạt bổ sung và các biện pháp quy định tại các khoản 2, 3 Điều này được áp dụng trong trường hợp cần thiết nhằm triệt để xử lý vi phạm, loại trừ nguyên nhân, điều kiện tiếp tục vi phạm và khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính về sở hữu công nghiệp gây ra.

Điều 4. Thời hiệu xử phạt

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp là một năm kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm. Đối với hành vi sản xuất, kinh doanh hàng hoá vi phạm về nhãn hiệu hàng hoá, tên gọi xuất xứ hàng hoá, kiểu dáng công nghiệp đang được bảo hộ thì thời hiệu xử phạt là hai năm tính từ ngày thực hiện hành vi vi phạm. Nếu quá các thời hạn nói trên thì tổ chức, cá nhân đã thực hiện hành vi vi phạm không bị xử phạt, nhưng có thể bị áp dụng biện pháp buộc tiêu huỷ vật phẩm, hàng hoá vi phạm gây hại cho sức khoẻ con người.

2. Đối với cá nhân thực hiện hành vi vi phạm quy định về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp mà bị khởi tố, truy tố về tội làm hàng giả, buôn bán hàng giả hoặc có quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự, sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án thì thời hiệu xử phạt hành chính là ba tháng kể từ ngày có quyết định đình chỉ nói trên.

3. Nếu trong thời hạn quy định tại các khoản 1, 2 Điều này mà tổ chức, cá nhân vi phạm thực hiện hành vi vi phạm mới về sở hữu công nghiệp thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm, trong đó thời hiệu xử phạt được tính từ ngày thực hiện vi phạm mới. Nếu trong thời hạn quy định tại các khoản 1, 2 Điều này mà tổ chức, cá nhân vi phạm cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì thời hiệu xử phạt được tính từ ngày tổ chức, cá nhân chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở.

Chương 2:

CÁC HÀNH VI VI PHẠM, HÌNH THỨC VÀ MỨC PHẠT

Điều 5. Hành vi vi phạm quy định về thủ tục xác lập, thực hiện quyền sở hữu công nghiệp và thủ tục xin cấp phép hoạt động dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây:

- a) Tiến hành thủ tục xác lập quyền, thực hiện quyền sở hữu công nghiệp để lẫn tránh hoặc thực hiện các hành vi trong các lĩnh vực khác bị pháp luật cấm hoặc hạn chế;
- b) Tiến hành thủ tục xác lập quyền, thực hiện quyền sở hữu công nghiệp nhằm mục đích cạnh tranh không lành mạnh, độc quyền, khống chế thị trường một cách bất hợp pháp, thủ tiêu đối tượng sở hữu công nghiệp, hạn chế hoặc thu hẹp phạm vi bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp của người khác, lợi dụng hoặc hạ thấp uy tín thương mại của cơ sở kinh doanh khác;
- c) Cung cấp các thông tin, chứng cứ sai lệch trong thủ tục khiếu nại về quyền sở hữu công nghiệp.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây:

- a) Sửa chữa, tẩy xóa, giả mạo văn bằng bảo hộ, giấy chứng nhận về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;
- b) Giả mạo giấy tờ, gian dối trong thủ tục xin cấp, gia hạn, sửa đổi văn bằng bảo hộ, đề nghị phê duyệt, đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp, xin cấp li-xăng không tự nguyện nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;
- c) Giả mạo giấy tờ, gian dối trong thủ tục xin cấp, gia hạn Giấy chứng nhận Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, Thẻ Người đại diện sở hữu công nghiệp nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

- a) Tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh từ 1 đến 3 tháng đối với các hành vi quy định tại khoản 1; từ 3 đến 6 tháng đối với các hành vi quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Tịch thu giấy tờ tài liệu, văn bằng bảo hộ, giấy chứng nhận bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp bị sửa chữa hoặc giả mạo đối với các hành vi quy định tại khoản 2 Điều này;
- c) Tịch thu văn bằng bảo hộ, giấy chứng nhận đã cấp cho tổ chức, cá nhân có các hành vi quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều này.

Điều 6. Hành vi vi phạm quy định về chỉ dẫn bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp